

TÁC HẠI CỦA CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN NỖ ĐAU CỦA NHIỀU CỘNG ĐỒNG, NHIỀU GIA ĐÌNH VÀ NHIỀU THẾ HỆ

KHỔNG DIỄN

I. VỀ CHIẾN DỊCH RANCH HAND

Trong cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) quân đội Đức đã sử dụng hơi ngạt để chống quân Pháp và quân Anh. Vào giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, người Mỹ đã nghiên cứu chất độc hoá học để phá hoại đồng ruộng tại Nhật Bản, nhưng dưới thời Tổng thống Roosevelt, Mỹ chưa dám sử dụng. Dưới thời tổng thống Truman, quân đội Mỹ chuẩn bị dùng chất độc hoá học loại 24-D nhằm huỷ diệt các cánh đồng quanh 6 thành phố lớn của nước này, tuy nhiên phát xít Nhật đã đầu hàng sớm nên kế hoạch đó chưa kịp thực hiện. Dầu vậy chất độc da cam/dioxin vẫn được Mỹ nghiên cứu để sử dụng vào mục đích quân sự bất chấp các luật pháp quốc tế như Nghị định Geneve, Công ước Hague (1).

Để cứu vãn sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn, vào đầu thập niên 60 của thế kỷ trước, Hoa Kỳ đã áp dụng một học thuyết mới, gọi là "chiến tranh đặc biệt" thay cho "chiến tranh đơn phương" đã bị phá sản. Họ gấp rút cho việc sử dụng các loại vũ khí tối tân và nguy hiểm, trong đó có chất độc hoá học da cam/dioxin. Sau khi nhậm chức Tổng thống Mỹ (11.5.1961) John Kenedy đã tuyên bố: Mỹ quyết định dùng chất diệt cỏ và các kỹ thuật tân kỳ khác để kiểm soát tình hình miền Nam Việt Nam. Ngày 10.8.1961 quân đội Mỹ đã bắt đầu rải chất độc hoá học xuống miền Nam Việt Nam bằng máy bay Fairchild C-123 và C-130, ngày 20.11.1961 J.Kenedy đã chính thức phê chuẩn tiến hành chiến dịch khai quang đồng ruộng và núi rừng nơi đây với cái tên là Ranch Hand (2).

Mục đích của chiến dịch Ranch Hand là sử dụng chất diệt cỏ và rụng lá cây để biến nhiều vùng núi rậm rạp ở miền Nam Việt Nam thành đồi núi trọc, biến nhiều vùng rừng ngập mặn thành các bãi hoang trống, triệt hạ các căn cứ của quân giải phóng và quân du kích; huỷ diệt mùa màng nhằm cắt nguồn tiếp tế lương thực, thực phẩm cho lực lượng cách mạng, đồng thời cũng để cưỡng bức, dồn dân vào các trại tập trung hoặc những vùng do Mỹ nguy kiểm soát (3).

Mặc dù vậy, với "chiến tranh đặc biệt" Mỹ nguy cũng không cứu vãn nổi những thất bại liên tiếp ở chiến trường miền Nam Việt Nam, nên đến đời Tổng thống Mỹ L.Johnson chúng đã phải chuyển sang cái gọi là "chiến tranh cục bộ". Chiến tranh hoá học do vậy cũng được đẩy lên một nấc thang mới với dự án có tên là "Pink Rose" dùng lửa để huỷ hoại rừng. Cuối năm 1965 họ bắt đầu rải chất độc hoá học xuống hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh và Nam Lào. Các năm 1966 - 1967 họ đã tiến hành phun rải các chất này xuống các vùng phi quân sự dọc vĩ tuyến 17. Đây là hành động tiếp theo của sự vi phạm trắng trợn và bất chấp luật pháp quốc tế. Cũng trong năm 1967, Bộ Quốc phòng Mỹ tuyên bố tăng cường sử dụng chất diệt cỏ ở miền Nam Việt Nam, và đưa chiến dịch Ranch Hand lên đến đỉnh điểm. Nếu như lúc đầu, số máy bay chuyên sử dụng cho việc phun rải chất độc hoá học chỉ có 6 chiếc thì ở giai đoạn này đã lên đến con số trên 20; nếu như ở giai đoạn 1961-1965 chỉ có một sân bay là Tân Sơn Nhất phục vụ vào chiến dịch này, thì đến nay đã có thêm hai sân bay khác là Đà Nẵng và Biên Hoà cũng được xây

dụng kho bãi để bơm hoá chất, phục vụ cho Operation Ranch Hand.

Trong thời gian từ 1961 đến 1971 (3.735 ngày) với chiến dịch Ranch Hand số lượng chất độc hoá học mà quân đội Mỹ đã rải xuống miền Nam Việt Nam là rất lớn. Theo nhóm nghiên cứu của trường đại học Columbia Mỹ, đứng đầu là J.M.Stellman công bố "Mức độ và dấu tích sử dụng chất độc da cam và các chất diệt cỏ khác ở Việt Nam" thì số hoá chất mà Mỹ sử dụng ở Việt Nam là 76.9 triệu lít. Gần đây, cũng theo họ, công bố trong Tạp chí Nature của Mỹ, số 42 ngày 17.7.2003 thì con số đó là 100 triệu lít.

Như vậy với chiến dịch Ranch Hand, với khoảng 100 triệu lít chất độc hoá học (con số được biết cho đến hiện nay) mà quân đội Mỹ đã rải xuống miền Nam Việt Nam cho thấy, đây là cuộc chiến tranh hoá học lớn nhất trong lịch sử chiến tranh thế giới từ trước tới nay. Tác hại của chất độc da cam/dioxin không những huỷ diệt môi trường tự nhiên như đất, nước, động thực vật ở nhiều vùng rừng núi, ruộng đồng và làng quê miền Nam Việt Nam mà còn huỷ hoại cơ thể, làm suy kiệt sức lực của nhiều người đã từng sinh sống ở các khu vực bị phun rải và tiếp xúc với loại chất độc này. Đặc biệt di hại của nó là nỗi đau khôn xiết của nhiều cộng đồng, tộc người, gia đình và thế hệ ở Việt Nam cũng như của nhiều cựu binh Mỹ, Ostralia, Newzealand, Hàn Quốc. . . đã từng tham gia vào cuộc tranh Việt Nam cùng gia đình và con cháu của họ.

II. TÁC HẠI CỦA CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG Ở MIỀN NAM VIỆT NAM

Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam quân Mỹ đã sử dụng nhiều loại chất độc hoá học, trong đó độc hại và nguy hiểm nhất là chất dioxin. Người ta tính ra rằng, chỉ cần 85 gram dioxin cũng đủ giết toàn bộ dân cư của một thành phố lớn như New York (gần 8 triệu dân)

thế mà trong cuộc chiến tranh này, như trên đã nói, Mỹ đã rải xuống miền Nam Việt Nam 100 triệu lít hoá chất, trong đó phần lớn là chất cực độc dioxin. Rõ ràng đây là một tội ác mang tính huỷ diệt môi trường và con người. Như Thượng nghị sỹ Mỹ Nelon đã từng tuyên bố (tháng 8.1970): "Chưa bao giờ trong lịch sử người ta thấy một nước tuyên chiến với môi trường sống của nước khác, thế mà Mỹ đã lao vào cuộc thí nghiệm trước sau không ai dám làm đó" (4).

Ngay từ những năm 70 của thế kỷ trước, Toà án quốc tế Bertrand Russell đã coi đây là cuộc chiến tranh huỷ diệt môi trường hệ sinh thái và con người Việt Nam. Theo số liệu của công ty Hatfield Consultans Ltd Canada thì diện tích bị rải chất độc hoá học ở miền Nam Việt Nam là 1.6 triệu ha; theo báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ, thì con số đó là 2.6 triệu ha; còn với số liệu thống kê của Viện Điều tra qui hoạch rừng (Việt Nam), thì diện tích rừng bị rải là trên 3.1 triệu ha. Hầu như toàn bộ 4 vùng chiến thuật ở miền Nam Việt Nam, từ vĩ tuyến 17 trở vào đều bị rải với mật độ đậm đặc đến 8 gallon/1ha, mức độ này cao gấp 25 lần mà nhà sản xuất gợi ý sử dụng. Trong đó tập trung vào vùng chiến thuật III trên 4 triệu gallon, như Củ Chi trên 140 ngàn gallon, Biên Hoà trên 163 ngàn gallon v.v... Trong chiến dịch Ranch Hand có tới 10 vùng bị rải đi rải lại nhiều lần, gây hậu quả rất nặng nề về môi trường như Phước Long, (704 vụ), Thừa Thiên (606 vụ), Bình Định (558 vụ), Long Khánh (502 vụ), Tây Ninh (473), Quảng Nam (377 vụ), Biên Hoà (366), Bình Dương (357 vụ), Quảng Trị (347 vụ) và Kon Tum (311 vụ). Chi tính 10 tỉnh này đã chiếm tới 47% lượng chất độc mà quân Mỹ đã rải xuống toàn miền Nam (Nguyễn Thị Hồng Nhung). Có những khu vực do nồng độ và mật độ phun rải chất độc quá lớn nên người ta gọi là "thung lũng da cam" như cách gọi của người dân ở tỉnh Quảng Trị. Đây là khu vực thuộc một số xã của huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, đặc biệt là xã Cam Chính, nơi có

nồng độ dioxin trên cơ thể của con người, của đất đai và nguồn nước cao hơn từ 14 đến 20 lần so với chỉ số đo DPT. Theo điều tra của trường đại học Kanazawa (Nhật Bản) và của Ủy ban 10-80 Bộ Y tế Việt Nam, thì tại khu vực Khe Ràm trong xã, cứ lấy một mẫu đất, hoặc nước, bùn, mỡ động vật ngẫu nhiên đều cho nồng độ dioxin cao gấp 14 lần, có người nồng độ dioxin còn cao gấp 20 lần so với độ đo chuẩn DPT (5). Toàn bộ huyện vùng cao A Lưới tỉnh Thừa Thiên - Huế, trong thời gian chiến tranh, phần lớn cư dân là đồng bào các dân tộc Tà ôi (các nhóm Tà ôi, Pa cô và Pa hy), Cơ tu và Bru - Vân kiều, các nghiên cứu cho thấy lượng chất độc hoá học mà quân đội Mỹ ném xuống đây không kém nơi nào hết trên đất nước Việt Nam. Dọc theo quốc lộ 49 lên A Lưới không còn một cánh rừng. Sau 30 năm kết thúc chiến tranh cây cối vẫn không thể nào mọc lên được, lác đác còn lại những gốc cây bị cháy trụi bởi chất độc hoá học (Nguyễn Thị Thu Hương). Tuy nhiên theo ông Vũ Văn Xuân, phó chủ tịch thường trực Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai, khi trao đổi với chúng tôi (ngày 26.9.2005) lại cho rằng, với tính toán của các nhà khoa học Mỹ, khu vực xung quanh sân bay Biên Hoà có nồng độ dioxin cao nhất so với các nơi khác trong cả nước. Những nạn nhân ở khu vực này mà chúng tôi có dịp tiếp xúc đều cho rằng, nước hồ Biên Hùng nơi xả nước từ hồ sân bay Biên Hoà xuống có độ độc rất cao. Trong số những người kiếm sống mà phải tiếp xúc với nguồn nước của hồ này, có khá nhiều người hoặc bị ung thư hoặc bị suy giảm sức khoẻ, sinh con bị dị tật bẩm sinh vv... Theo ông Phong, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hoà, thì hồ Biên Hùng do ô nhiễm dioxin nên cá tôm chết hết, đến năm 2000 - 2001, người ta không cho nước từ hồ phi trường chảy xuống đây nữa mà cho chảy vào một hồ khác để lọc bỏ chất độc. Tuy vậy nước ở hồ Biên Hùng vẫn bị ô nhiễm, cá ở đây đầu to mình nhỏ và có những con có hình dị dạng trông rất lạ. Người ta cải tạo hồ bằng cách thay nước, đào bỏ

các lớp đất mặt, đất đào lên có màu trắng như xi măng, có trồng cây vào những chỗ đất đó thì cây cũng đều chết hết và mùi nước hồ hiện nay vẫn rất thối.

Rõ ràng tác hại của dioxin không chỉ dừng lại ở những cánh rừng trụi lá vào những năm 60-70 của thế kỷ trước mà giờ đây, dioxin vẫn còn thấm trong lòng đất, thấm vào nguồn nước ở những khu vực bị phun rải. Chẳng hạn cho đến nay núi Bà thuộc huyện Phù Cát tỉnh Bình Định vốn là nơi có tán rừng rậm rạp nhưng giờ đây cây cối vẫn không thể phát triển được. Những vùng hồ xung quanh núi đều bị ô nhiễm dioxin. Ở vùng Tây Ninh, do bị phun rải, đất đai trở nên khô cằn, nhiều khu vực trở thành đất trống đồi trọc. Ở Cà Mau, rừng đước từng chiếm 82% diện tích, sau khi bị phun rải, chỉ còn lại 50% (6).

Như vậy hậu quả của phun rải chất độc da cam/dioxin xuống miền Nam Việt Nam không chỉ là biến hàng triệu ha rừng rậm rạp, ruộng đồng tươi tốt thành đất trống đồi trọc, làm cho một số loài động, thực vật bị huỷ diệt hoặc biến dạng mà còn gây ra sự mất cân bằng sinh thái, dẫn đến xói mòn, hạn hán, lũ lụt, ô nhiễm nguồn nước. Cho đến nay ở một số khu vực vẫn bị ảnh hưởng do chất dioxin đã ngấm sâu vào lòng đất và mạch nước ngầm, nhiều loài động thực vật nếu không bị huỷ diệt thì cũng rất chậm hoặc rất khó được phục hồi. Mức độ độc hại trong lòng đất ở một số nơi cao gấp 180 lần mức độ an toàn (7).

III. HÊ QUẢ CỦA CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN ĐỐI VỚI CÁC CÔNG ĐỒNG, GIA ĐÌNH VÀ CÁC THỂ HỆ KHÁC NHAU

Theo báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ, có 25.585 thôn ấp ở miền Nam Việt Nam bị phun rải, trong số này có 3.181 thôn ấp bị ảnh hưởng trực tiếp với số dân có thể từ 2,1 đến 4,8 triệu người. Cũng theo các nhà nghiên cứu của Hoa Kỳ, có tới gần 90% các làng xã bị phun rải

hai lần và khoảng 11 làng xã bị phun rải đến 10 lần (8).

Số người bị nhiễm chất độc da cam/dioxin ở Việt Nam hiện nay là khoảng 5 triệu người. Tập trung đông nhất là các tỉnh miền Trung từ Quảng Trị trở vào đến Đồng Nai và Tây Nguyên. Trong số nạn nhân có cả người Kinh (phần lớn) và các dân tộc thiểu số.

Riêng tỉnh Quảng Trị, theo báo cáo của Sở Lao động - thương binh xã hội năm 2004, toàn tỉnh có gần 14 ngàn người bị nhiễm chất độc da cam trong đó có rất nhiều là người các dân tộc thiểu số. Riêng 3 xã Cam Chính, Cam Nghĩa, Cam Tuyển thuộc huyện Cam Lộ đã có 855 người (9). Ở hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum thuộc bắc Tây Nguyên, theo báo cáo của địa phương, mỗi tỉnh có trên 12.000 người bị nhiễm.

Tại khu vực A Lưới, Thừa Thiên - Huế, qua phân loại lần đầu thì toàn huyện có 5 ngàn người bị nhiễm chất độc da cam. Độ độc hại rất cao, đến nỗi năm 1968 cả khu vực này không có một đứa trẻ nào ra đời được. Toàn bộ số phụ nữ mang thai đều bị hư thai, hàng ngàn người lớn do nhiễm chất độc da cam đã phải chết sớm. Hiện nay có hàng trăm đứa trẻ được sinh ra dưới đủ kiểu dị dạng, có nhiều cháu sinh ra đã câm, điếc, không có hậu môn, không có mắt mũi, chân tay (10).

Ở tỉnh Phú Yên, theo khảo sát của ngành chức năng và của Bảo tàng tỉnh (số liệu do chị Nguyễn Thị Kim Hoa cán bộ Bảo tàng Phú Yên cung cấp) thì toàn tỉnh có 1.400 người bị nhiễm, trong đó người các dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ đáng kể, chẳng hạn ở huyện Đồng Xuân : xã Phú Mỹ có 22 người bị nhiễm, đều là người dân tộc Bana và Chăm (nhóm Hroi); xã Xuân Phước có 85 người bị nhiễm thì 33 người dân tộc Chăm và 3 người là dân tộc Bana. Ở huyện Sông Hinh : xã Ea Bá có 9 người bị nhiễm, đều là người dân tộc

Êđê; xã Ea Lâm có 11 người bị nhiễm, đều là người Êđê. Ở huyện Sơn Hoà: Xã Suối Trai có 41 người bị nhiễm, đều là người Êđê; xã Ea Chà Rang có 42 người bị nhiễm cũng đều là người dân tộc Êđê; xã Cà Lúi có 130 người bị nhiễm thì 123 người là dân tộc Chăm; xã Sơn Hội có 120 người bị nhiễm, thì có 84 người (70%) là dân tộc Chăm.

Không chỉ những người ở nông thôn miền núi mới bị nhiễm loại chất độc nguy hiểm này mà ở các thành phố lớn như Đà Nẵng, Biên Hoà, Cần Thơ, những nơi trước đây có các kho chứa chất độc da cam/dioxin, người dân cũng bị nhiễm hại. Theo số liệu của Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam thuộc Hội Nạn nhân chất độc da cam thành phố Đà Nẵng năm 2005, thì số người bị nhiễm chất độc da cam của thành phố này là 7.271 người, trong đó nam 4.103 người, nữ 3.168 người, trẻ em 1.445 người.

Thành phần của những nạn nhân chất độc da cam/dioxin ở Việt Nam, không chỉ là người Kinh mà còn là người của các dân tộc thiểu số như đã nói, không chỉ là những người đã tham gia vào lực lượng vũ trang cách mạng mà còn cả dân thường và những người đã tham gia vào lực lượng nguy quân, nguy quyền của chế độ Sài Gòn trước đây. Cũng theo báo cáo của Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam của thành phố Đà Nẵng, thì trong số những người là nạn nhân của chất độc này có 2.485 người đã từng tham gia lực lượng cách mạng; có 3.703 người là dân thường và 635 người tham gia lực lượng của chế độ cũ.

Những nạn nhân chất độc da cam/dioxin không chỉ có ở các tỉnh thành miền Nam mà còn có ở khắp các tỉnh thành miền Bắc, không chỉ ở những người trực tiếp bị phun rải mà nó đã di hại sang thế hệ thứ hai, thứ ba và còn không biết đến bao nhiêu thế hệ sau này nữa. Chẳng hạn Thái Bình là một tỉnh thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, toàn tỉnh có 27.934 người bị nhiễm

chất độc da cam/dioxin, trong đó số người trực tiếp bị nhiễm ở chiến trường miền Nam là 17.662 người, ở thế hệ thứ hai (con) là 8.047 người và thế hệ thứ ba (cháu) là 533 người. Hầu hết những người gián tiếp bị nhiễm chất độc da cam từ người cha, người mẹ đều khó có thể lấy được vợ, được chồng hoặc khó có khả năng sinh con. Có một số người bị nhiễm nhưng may mắn, không bị biến dạng, ít có biểu hiện ra bên ngoài nên đã lấy được chồng, được vợ, song niềm hy vọng mong manh có những đứa con bình thường khoẻ mạnh thì được đáp lại bằng nỗi tuyệt vọng. Ngay tại thủ đô Hà Nội, chiến tranh đã qua đi trên 30 năm, nhưng những di chứng của nó để lại thật tàn khốc, và nặng nề, chúng ta có thể nhận biết được ở một số làng trẻ đặc biệt, trong đó có làng trẻ em Hoà Bình, nơi bảo trợ và chăm sóc trẻ em bị di nhiễm chất độc da cam, nỗi đau hậu chiến hiển thị trên những gương mặt vẹo vọ của những đứa trẻ dị dạng, tật nguyền. Nói như ông Wells-Dang, nguyên đại diện khu vực của quỹ Hoà giải và Phát triển (FRD): Bom mìn chỉ có thể ảnh hưởng tới vài trăm ngàn người, nhưng chất độc da cam/dioxin thì ảnh hưởng tới nhiều cộng đồng, nhiều thế hệ và có tới 4-5 triệu người Việt Nam là nạn nhân của chất độc này (11)

Thật trớ trêu là không phải chỉ nhân dân Việt Nam mới phải hứng chịu thảm họa của chất độc chết người này, mà cả những kẻ đem bom đạn, đem chất độc đi hại người khác cũng phải gánh chịu hậu quả. Nghiên cứu trên 989 cựu binh Mỹ đã từng tham gia rải chất độc da cam ở Việt Nam, có tỷ lệ ung thư cao gấp 3,7 lần so với các cựu binh khác. Đô đốc hải quân Mỹ Zumwelt, người ra lệnh rải chất độc da cam ở Việt Nam, có con trai là trung úy cũng đã tham chiến ở Việt Nam về bị chết vì ung thư do nhiễm dioxin. Cháu ruột ông ta cũng bị ảnh hưởng do di truyền từ người cha, cháu bị trí độn và mù mắt (12). Ông Hank Emery 61 tuổi đã phải vật lộn với bệnh tật từ nhiều năm nay do mắc bệnh tim sau khi rời

Việt Nam. Ông nói : Chúng tôi không còn nhiều thời gian vì chúng tôi đang chết dần chết mòn. Hãy tưởng tượng bạn nhìn thấy đứa cháu mới sinh của mình không có mắt, đó là án tù chung thân cho cả người mẹ và cả bản thân đứa bé (13).

Trong số 3.200 lính Newzealand phục vụ tại Việt Nam, có 2.500 người còn sống, nhưng bị mắc các chứng bệnh như: nút đốt sống, mù mắt vv... Các con cháu họ bị hỏng chức năng tim phổi, vẹo cột sống, viêm dạ con, hen suyễn, rối loạn mạch máu não. Với cựu binh John Jenningsau khi tiếp xúc với chất độc hoá học này đã bị mất ngứa, và mù mắt trái, con gái ông cũng bị mắc nhiều bệnh, phải thay tim và phổi, phải thở ôxy 16 tiếng/ngày và mắc chứng vô sinh. Sau một năm rưỡi điều tra, Ủy ban Y tế của Quốc hội Newzealand đã đưa ra kết luận: Chất độc da cam đã tàn phá sức khoẻ của các cựu binh tham gia chiến tranh Việt Nam và Chính phủ thừa nhận điều này. Theo một điều tra khác, thì gần một nửa số cựu binh tham gia chiến tranh ở Việt Nam qua đời ở độ tuổi trung bình là 51 tuổi.

Theo một nghiên cứu trước đây thì có khoảng 5 ngàn quân Nam Triều Tiên (nay là Hàn Quốc) đã chết trong chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, hơn một lần số đó bị thương tật và gấp 10 lần số đó bị nhiễm chất độc da cam (Nguyễn Thị Xuân Thảo).

Ông Mai Giảng Vũ, một người lính của chế độ Sài Gòn cũ, đã tham gia rải chất độc hoá học với chiến dịch Ranch Hand, ông đã phải giải ngũ, vì cuộc chiến đã lấy đi con mắt của ông. Nỗi đau, sự day dứt, oán hận chiến tranh, chất độc dioxin đeo đẳng suốt cuộc đời khi 3 người con trai của ông đã ra đi vĩnh viễn bởi di chứng của chất độc da cam (Nguyễn Thị Thu Hương).

Đúng là những người lính ở bên kia trận tuyến trong chiến tranh, không những đau đớn về tinh thần với những ám ảnh về năm tháng tham chiến, mà còn đau đớn về thể xác, những căn

bệnh về da, về ung thư. Họ đã phải chứng kiến nỗi đau của các con cháu mình bị dị tật bẩm sinh, phổ biến là bệnh đao (down syndrome), ung thư tiền liệt tuyến (14).

Về cuộc sống của các nạn nhân chất độc da cam của Việt Nam, như báo chí đã nêu, có hàng ngàn, hàng vạn những câu chuyện thương tâm về họ. Ở đây xin đưa lên một vài truyện, trong đó có những truyện chúng tôi trực tiếp trò chuyện phỏng vấn các nạn nhân ở địa phương (15) để bạn đọc hiểu thêm và chia sẻ với nỗi đau của họ mà góp thêm tiếng nói, kêu gọi lương tri, kêu gọi Chính phủ, quân đội và các Công ty Mỹ sản xuất ra chất độc da cam/dioxin phải có trách nhiệm với những nạn nhân này, vì quyền con người và công lý.

1. Gia đình chị Võ Thị Hồng, trước đây cả hai vợ chồng đều sinh ra, lớn lên ở Quảng Nam, nơi nhiều lần bị rải chất độc da cam, sau gần 30 năm, anh chị chuyển về sống ở Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Anh chị có người con trai bị khuyết tật (Nguyễn Thành Duy, sinh năm 1984) bị ngớ ngẩn, hay đi lang thang nói không mạch lạc; cháu gái (Nguyễn Thị Thanh Thảo) sinh năm 1993 bị câm và cũng có vấn đề về não. Cả hai cháu không tự ăn uống và không tự vệ sinh được, mọi việc đều do mẹ (chị Hồng phục vụ). Khi tâm tư về tương lai của hai cháu, chị nói: "Nếu nó chết trước tôi thì nó sướng, còn nếu tôi chết trước nó, là chị em nó thất tha thất thểu... nó chết trước thì nó khỏe..." (16).

Trong xã hội Việt Nam hiện nay cũng vẫn còn có quan niệm: Con cái chết trước cha mẹ tức là cướp công cha mẹ, cho là gia đình thất đức. Ở người Việt (Kinh) có câu:

Lá vàng còn ở trên cây

Lá xanh dưới đất trời hay chông trời

Ấy vậy mà trong trường hợp này, chị Hồng lại muốn hai con mình chết trước cho chúng được

"sướng" được "khỏe". Thật đau lòng người mẹ! Không biết hàng triệu người mẹ trên thế giới này nghĩ thế nào về điều ấy?

2. Chị Hồ Thị Nga, dân tộc Co ở Trà Xuân, Trà Bồng, Quảng Ngãi, cả hai vợ chồng chị đều bị chất độc hoá học rải ướt hết người. Năm 1983 chị sinh cô con gái, khi sinh ra cháu đã bị mất lác, miệng méo, chân đi bước thấp bước cao, hay lên cơn co giật, mỗi lần lên cơn thường hay đập phá và la hét. Chồng chị bỏ đi lấy người vợ khác, nhưng những đứa con sau của anh cũng có đứa bị dị tật bẩm sinh. Chị Nga ở vậy một mình nuôi con. Cũng có người đàn ông thương chị, nhưng chị không dám nghĩ đến hạnh phúc của riêng mình (17). Vậy là chị đã hy sinh tuổi xuân còn lại của đời người phụ nữ, hy sinh hạnh phúc riêng để chăm chút cho đứa con gái duy nhất tật nguyên và không biết rồi sẽ ra sao.

3. Nỗi bất hạnh mà chất độc da cam đã giáng xuống gia đình anh Trần Đào Ngọc và chị Nguyễn Thị Nhung ở thị trấn Quỳnh Côi, Thái Bình. Đã 16 năm nay, anh chị phải dùng xích cùm chân chính đứa con mình dứt ruột đẻ ra. Đó là cháu Tân sinh năm 1981, con trai đầu lòng của anh chị. Từ nhỏ mỗi khi lên cơn động kinh, cháu la hét sùi bọt mép, đập phá hết mọi thứ xung quanh. Có lần cháu bỏ nhà đi, cực chẳng đã anh chị phải xích chân con lại một chỗ từ năm Tân chưa đầy 10 tuổi. Cháu quay sang xé nát hết chân chiếu rồi tự cắn mình, mười đầu ngón tay của cháu gần như hồng hết, hai cánh tay chẳng chịt sẹo do những vết răng để lại.

Đứa con thứ hai của anh chị chết từ khi được hơn một tuổi do biến dạng, đầu to, chân tay mềm oạt. Cháu thứ ba, sinh năm 1983 cũng bị động kinh. Hai cháu gái sau cũng bị kém trí nhớ, có cháu bị mọc nhiều cục thịt thâm tím trên ngực, bị tật một đốt xương sống, gây đau lưng kinh niên.

Gánh nặng 4 đứa con tật nguyên, có lẽ anh chị phải gánh cho đến khi kiệt sức (18).

4. Ông Nguyễn Việt Đang, sinh năm 1927, xã Quỳnh Giao, Quỳnh Phụ, Thái Bình, trước khi đi bộ đội ông đã có hai người con trai đều khoẻ mạnh, nhưng 2 người con sau, một gái tên là Nguyễn Thị Linh và một trai tên là Nguyễn Việt Đĩnh, đều sinh sau khi ông bị ảnh hưởng bởi chất độc da cam ở chiến trường miền Nam, cả hai trí tuệ đều kém phát triển. Chị Linh sau khi lấy chồng sinh cháu đầu bị chết non, cháu thứ hai bị dị tật. Còn anh Đĩnh sinh cháu gái đầu bình thường nhưng cháu trai sau bị bẹp sọ não và động kinh cục bộ, không có khả năng nhận thức, mỗi lần lên cơn động kinh đều đập phá. Như vậy chất độc da cam đã đi hại đến thế hệ thứ ba (19).



5. Chị Kan Lây dân tộc Tà ôi, ở xã A Ngo huyện A Lưới, Thừa Thiên - Huế, sinh một đứa bé có thân hình như con rắn, không có chân tay, chỉ có đầu và mặt, khi đứa bé chào đời, cả thôn làng mọi người đều kinh hoàng, có người sợ quá bỏ làng đi mấy ngày liền. Cháu bé tội nghiệp cũng chỉ sống được 2 tiếng đồng hồ thì qua đời. Chị Kan Lây kể: Sau đó thêm 3 lần tôi có thai, nhưng được vài tháng thì bị hư. Đến lần thứ 4 (năm 1991), sinh được cháu trai đặt tên là Bắc. Nhưng cháu bị liệt toàn thân, lúc nào cũng co

cứng chân tay và cuộn tròn trên giường. Từ đó đến nay, chị không lúc nào rời đứa con tội nghiệp của mình (20).

6. Gia đình anh Trương Hữu Sa, 44 tuổi và chị Nguyễn Quỳnh Ly 42 tuổi, Phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, năm 1991 anh chị sinh được cháu trai Trương Hữu Lâm, khi sinh ra bình thường, ba ngày sau thì hôn mê, bị đi chứng, đưa đến bệnh viện, người ta nói là bị bại não. Cho đến nay (2005) cháu vẫn đặt đầu nằm dấy, chân tay co quắp, phải luôn có người ở bên, nếu không cháu sẽ gào thét. Ăn uống rất khó, thường xuyên phải dùng thuốc chuyên khoa. Khi tâm sự với chúng tôi, anh Sa nói: Bây giờ chẳng biết kêu vào đâu, mỗi khi đến

nhà thờ (gia đình anh theo Công giáo) anh đều cầu khẩn mong cho con được khỏi bệnh. Trả lời câu hỏi về sự giúp đỡ của Nhà thờ, anh trả lời: Về vật chất thì không, còn về tinh thần thì người ta cảm thông, chia sẻ và động viên nhiều, gia đình cũng thêm tự tin.

7. Anh Đàng Búa 40 tuổi, người xã Hoà Cường, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, sinh ra ở Hoà

Cường nhưng có một số năm công tác ở Tây Nguyên. Năm 1987 anh xây dựng gia đình, năm sau sinh cháu gái Đàng Thị Nở, lúc sinh ra hai chân cháu bắt chéo lại với nhau, phải kéo ra nắn lại, cho đến nay cháu vẫn đặt đầu nằm dấy, chân tay co quắp, không biết gì, hầu như đêm nào cũng kêu khóc. Khi cháu được 5 tuổi thì mẹ cháu bỏ đi lấy chồng ở nơi khác. Trước đây anh Búa làm nghề sửa chữa xe đạp, nhưng vài năm nay anh phải nghỉ việc để trông cháu. Chủ yếu sống bằng đồng lương trợ cấp của con. Từ ăn uống, đái ỉa, kể cả những ngày cháu có kinh, đều do

anh phục vụ. Nay cháu đã 18 tuổi nhưng đêm nào anh cũng phải nằm ôm con nếu không cháu sẽ gào thét lớn hơn, ảnh hưởng đến bà con hàng xóm. Khi hỏi anh có định lập gia đình nữa không thì anh trả lời là không. Anh nói: Sợ lấy người khác về người ta có chịu nổi gia cảnh nhà mình không, có thương con mình hay lại bỏ đi, anh nói thêm, tuy mới chỉ 44 tuổi đầu, suốt ngày đêm lo lắng vì con nên anh không có hứng thú trong quan hệ nam nữ, hầu như không còn khả năng sinh lý của người đàn ông.



8. Bà Nguyễn Bị Bình, 71 tuổi, người phường Hoà Cường, quận Hải Châu, Đà Nẵng, có chồng trước đây phục vụ ở bộ phận quân nhu của chế độ Sài Gòn cũ, từ năm 1968, ông phục vụ ở các vùng bị rải chất độc hoá học. Và cũng từ sau đó bà sinh đứa con nào cũng bị dị tật. Cháu Thiệt (con gái) sinh cuối năm 1968, cứ ngẩn ngẩn ngơ ngơ, thỉnh thoảng lại lên cơn co giật, chỉ biết bò mà không biết đi. Cháu Phước (con gái) sinh năm 1970, cho đến nay cũng cứ ngẩn ngẩn ngơ ngơ, cũng chỉ biết bò không biết đi, lúc nói được đôi ba từ lúc không, ai hỏi gì cũng không biết chỉ cười. Cháu Tâm (con trai) sinh năm 1975, nay cũng ở tình trạng như hai người chị, nhưng thỉnh

thoảng còn đi leo cheo được, đôi lúc có nói nhưng nói không rõ và không chính xác. Chồng bà Bình nhiều năm đau ốm kéo dài, đã mất năm 1994, bà một mình tần tảo, bán kẹo bánh tại nhà để có tiền nuôi 3 đứa con tật nguyền. Khi trò chuyện với chúng tôi, bà nói: Năm nay tôi già rồi, sức khoẻ không được tốt, không biết tôi chết đi thì các cháu sẽ thế nào? một là nhờ Chính phủ Việt Nam giúp đỡ, hai là nhờ Nhà nước mình nói với Chính phủ Mỹ để họ giúp đỡ chúng tôi, những người đã từng phục vụ họ, để các con tôi

được sống khi tôi không còn trên đời này. Thật khổ lắm chú ơi, sống thì khổ thế này đây, mà chết cũng chẳng được, nhắm mắt chẳng đành (ảnh 1).

9. Ông Đinh Văn Thương sinh năm 1927 (năm 2005 là 78 tuổi) người xã Trường Thành, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, trước năm 1961, khi chưa bị nhiễm chất độc da

cam, vợ chồng ông đã có 6 người con, đều mạnh khoẻ, hiện nay đều đã có vợ có chồng và đi ở riêng. Từ năm 1963 đến năm 1973 vợ ông sinh thêm 4 người con nữa, nhưng sinh ra đều bị chết luôn, đến năm 1975 sinh người con trai là Đinh Công Tài, bị bệnh não, nói không biết nghe, lơ lơ lảo lảo, suốt ngày phải có người trông nom. Vợ ông chết năm 2004. Giờ đây ông đã già, như người ta thì được nghỉ ngơi, con cháu phục vụ, còn ông thì ngược lại, suốt ngày phải cơm nước rửa ráy, giặt giũ trông nom đứa con tật nguyền. Ông nói: Cực hết chỗ nói, không biết những người đã gây ra tai họa này có thấu đến nỗi khổ của những người già như tôi thế này không?

10. Ông Nguyễn Thanh Phương sinh năm 1947, tại tỉnh Đồng Tháp, sau năm 1975 do ở đây (xã Thanh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, Cần Thơ) có nhiều đất nên đã về định cư tại nơi này. Ông bị nhiễm chất độc hoá học trong các năm 1970-1971 thời gian ông đi cắt lác ở Đồng Tháp để làm chiếu. Vợ chồng ông sinh được 4 người con thì 3 người bị tật nguyền. Cháu đầu là cháu trai Nguyễn Thanh Tài, sinh năm 1972 sinh ra bình thường nhưng đến 10-11 tuổi thì bắt đầu đi nhón nhén, rồi không đi được nữa, một, hai năm sau đến ngồi cũng rất khó khăn, chỉ nằm, người như không có xương. Cháu trai Nguyễn Thanh Thái sinh năm 1977, lúc sinh ra cũng khoẻ mạnh, bình thường được 9 tuổi thì không đi được nữa, 10 tuổi thì chỉ nằm, tình trạng sức khoẻ hoàn toàn giống cháu đầu. Cháu trai Nguyễn Thanh Lộc, sinh năm 1985, cũng như hai anh trai cháu, đến 8 tuổi đã bị liệt, lúc đầu còn có thể bò đi vệ sinh, nhưng nay thì phải có người đưa đi. Do phải nuôi ba đứa con tật nguyền nên có bao nhiêu ruộng đất khai khẩn được ông bà phải bán hết, kể cả ngôi nhà ở. Hiện nay ngày nào ông bà cũng phải đi làm thuê làm mướn, ai thuê gì làm nấy và trông chờ vào số tiền trợ cấp của 3 đứa con tật nguyền. Ngôi nhà hiện gia đình đang ở cũng là ngôi nhà "tình thương" do chính quyền và bà con địa phương tạo dựng cho. Bà con địa phương rất thương, rất thông cảm nhưng cũng không thể giúp mãi được. Khi trao đổi với chúng tôi, ông Phương nói: cực quá, thôi thì phó mặc cho số phận vậy. Nếu vợ chồng tôi chết thì 3 đứa con tôi cũng chết theo, nhưng không biết chúng có được chết tử tế hay không; nằm đêm cứ nghĩ hoài nhưng cũng chẳng biết làm thế nào được. Theo lẽ thường, việc "hậu sự" con cái phải lo cho cha mẹ, còn ở đây thì ngược lại! (ảnh 2)

Từ những điều đã trình bày trên đây cho thấy, chiến tranh đã qua đi trên 30 năm, việc phun rải chất độc hoá học đã chấm dứt từ năm 1971, như vậy đã được 35 năm nhưng nỗi đau vẫn còn đó. Hậu quả và di hại của chất độc da cam/dioxin không loại trừ một ai, dù người đó là người Mỹ,

người Newzealand, người Ostralia, người Hàn Quốc hay người Việt Nam; dù người đó là người Việt hay người Tà ôi, Bru-Vân kiều, Co, Chăm hay Êđê...; dù người đó thuộc lực lượng cách mạng, dân thường hay thuộc quân đội của chế độ Sài Gòn cũ; bất cứ người đó theo tôn giáo nào, nếu đã tiếp xúc với loại chất độc này thì đều bị di hại và nỗi đau về thể xác như nhau. Do vậy chúng tôi kêu gọi Chính phủ Mỹ và các Công ty hoá chất sản xuất ra chất độc giết người man dợ này, hãy có trách nhiệm đối với tất cả các nạn nhân, không chỉ đối với những người đi reo rắc đau thương mà quan trọng hơn là với những người chịu đau thương do chính họ gây ra.

Chúng tôi kêu gọi lương tri của loài người, hãy vì công lý, vì tình thương, vì quyền con người mà góp thêm tiếng nói, ủng hộ các nạn nhân chất độc da cam/dioxin trong cuộc chiến tranh Việt Nam, giúp họ vượt qua hoặc giảm đi phần nào nỗi đau khủng khiếp này.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hồng Nhung, *Tội ác của Mỹ trong chiến dịch phun rải chất diệt cỏ ở miền Nam Việt Nam*, trong sách "Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước" Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 1175-1176
2. Phạm Ngọc Thu, *Những chứng cứ tội ác của cuộc chiến tranh hoá học của Mỹ ở Việt Nam*, trong sách "Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước" (đã dẫn) tr. 1184.
2. Lê Cao Đài, *Chất da cam trong chiến tranh Việt Nam - tình hình và hậu quả*, Hà Nội, 1999, tr. 11.
- Nhiều tác giả, *Chất độc da cam. Thảm kịch và di họa*, Nxb Văn Nghệ TPHCM, 2004, tr43-44.
- Nguyễn Văn Tuấn, *Chất độc da cam dioxin và hệ quả*, Nxb Trẻ, 2004, tr. 20, 45.
- Nguyễn Đức Hoà, *Những hậu quả của cuộc chiến tranh hoá học của Mỹ ở Việt Nam và cuộc đấu tranh vì công lý của các nạn nhân*

- chất độc da cam - dioxin Việt Nam, trong sách "Cuộc kháng chiến chống Mỹ..." (đã dẫn) tr. 1193-1194.
3. Vũ Lê Thảo Chi, *Cuộc chiến âm thầm*, trong sách "Cuộc kháng chiến chống Mỹ..." (đã dẫn) tr. 1209.
 4. Nguyễn Thị Thu Hương, *Ảnh hưởng của chất độc da cam (dioxin) với thanh thiếu niên Việt Nam*, Khoa Sư, trường Cao đẳng Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
 5. Tác giả: Thanh - *Dioxin Việt Nam*, 5, 11, 2004.
 - Nguyễn Thị Xuân Thảo, *Tìm hiểu về cuộc chiến tranh hoá học của Mỹ ở Việt Nam - Tác hại của chất độc da cam (dioxin) đối với thanh niên Việt Nam*, Khoa Sư, Trường Cao đẳng Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
 6. Vũ Lê Thảo Chi, *Cuộc chiến âm thầm* (đã dẫn) tr. 1210.
 7. Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong phát triển, *Bạn có biết*.
- Phạm Ngọc Thu *Những chứng cứ tội ác...* (đã dẫn), tr. 1188.
 8. Phạm Ngọc Thu, *Những chứng cứ tội ác...* (đã dẫn) tr. 1989.
 9. Nguyễn Đức Hoà, *Hậu quả của chất độc da cam đối với nhân dân các dân tộc ở Quảng Trị*, Hội nghị thông báo Dân tộc học, Hà Nội, 2006.
 10. Nguyễn Thị Thu Hương, *Ảnh hưởng của chất độc da cam.....*(đã dẫn).
 - Dương Minh Anh, *Vật vờ A Lưới*, Sài Gòn giải phóng, thứ 7 ngày 27-11-2004.
 11. Nguyễn Thị Xuân Thảo, *Tìm hiểu về cuộc chiến tranh hoá học...* (đã dẫn).
 12. Nguyễn Đức Hoà, *Những hậu quả của cuộc chiến tranh hoá học...*(đã dẫn) tr. 1196.
 13. Nguyễn Thị Thu Hương, *Ảnh hưởng của chất độc da cam.....*(đã dẫn).
 14. Vũ Lê Thảo Chi, *Cuộc chiến âm thầm* (đã dẫn) tr. 1211-1212;
 15. Đoàn di thực tế các tỉnh thành phố phía Nam, những nơi chịu ảnh hưởng nhiều của chất độc da cam/dioxin do Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong phát triển (CGFED) tổ chức tháng 9.2005. Thành viên của đoàn gồm các cán bộ của CGFED, Viện Dân tộc học, Viện KHXH vùng Trung Bộ & Tây Nguyên, Tạp chí Dân tộc và thời đại.
 - 16,17. Trung tâm Giới, Gia đình và Môi trường trong phát triển, *Những câu chuyện của nạn nhân chất độc da cam/dioxin ở Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004, tr. 5, 11.
 - 18,19. Nguyễn Thị Xuân Thảo, *Tìm hiểu về cuộc chiến tranh hoá học...* (đã dẫn).
 20. Nguyễn Thị Thu Hương, *Ảnh hưởng của chất độc da cam...* (đã dẫn).



Vùng đất Quảng Trị sau chiến tranh đang hồi sinh

Ảnh tư liệu của CGFED